

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 682/CV-DHT

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dược phẩm Hà Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 1/năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

- Mã chứng khoán: DHT
- Địa chỉ: Số 10A phố Quang Trung, phường Hà Đông, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0433 501 117 Fax:
- Email: duochatay@gmail.com
- Website: <https://www.hataphar.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☒ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2026 tại đường dẫn: <https://www.hataphar.com.vn/thong-tin-codong.html3>.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026: Không có

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):
- Ngày hoàn thành giao dịch

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên.2026
- BCTC HN bán niên.2026
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

OSAMU YOMOGIDA





Số: 689/CV-BCTC-DHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên đơn vị: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

Mã chứng khoán: DHT

Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung – Phường Hà Đông – TP. Hà Nội

Điện thoại: 0433 501 117 – Fax: 0433 829 054

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phạm Minh Thư – Phó phòng pháp chế - truyền thông.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026, kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2026 là: 20,391,140,722 đồng so với tổng lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2025 là: 37,319,940,922 đồng, chênh lệch giảm (16,928,800,200) đồng tương ứng giảm 45.36% do:

- Lợi nhuận gộp bán niên năm 2026 là 88,885,619,993 đồng so với bán niên năm 2025 là 107,325,648,208 đồng, giảm 18,440,028,215 đồng, tương ứng giảm 17.18%
- Doanh thu hoạt động tài chính bán niên năm 2026 đạt 12,186,945,882 so với doanh thu hoạt động tài chính bán niên năm 2025 đạt 16,272,793,859 chênh lệch giảm 4,085,847,977 đồng, tương ứng giảm 25.11%, Sự sụt giảm doanh thu hoạt động tài chính đã tác động bất lợi đến kết quả lợi nhuận trong kỳ.
- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết bán niên năm 2026 là 996,007,549 đồng so với phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết bán niên năm 2025 là 4,989,433,485 đồng, chênh lệch giảm 3,993,425,936 đồng, tương ứng giảm 80%. Sự sụt giảm lợi nhuận từ các công ty liên kết đã tác động bất lợi đến kết quả lợi nhuận hợp nhất trong kỳ.

Vậy Công ty xin báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Osamu Yomogida

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026



CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 40

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Anh Trung	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch (Thôi giữ chức vụ từ ngày 30/3/2026)
Ông Lê Xuân Thắng	Phó Chủ tịch thường trực (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Hiroyasu Nishioska	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Bà Lê Việt Linh	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên HĐQT
Ông Yuichiro Okuma	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Osamu Yomogida	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Keisuke Oshio	Thành viên HĐQT (Thôi giữ chức vụ từ ngày 30/3/2026)

Ban Tổng giám đốc

Ông Osamu Yomogida	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức vụ từ ngày 30/3/2026)
Bà Lê Việt Linh	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Anh Trung	Phó Tổng giám đốc (Thôi giữ chức vụ từ ngày 30/3/2026)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Anh Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Osamu Yomogida	Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Osamu Yomogida
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Số: 2408.02 -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.




Nguyễn Thị Hồng Vân

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01a - DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		689.600.287.571	896.739.416.323
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	64.785.701.868	84.407.566.361
1 Tiền	111		49.285.701.868	74.036.751.569
2 Các khoản tương đương tiền	112		15.500.000.000	10.370.814.792
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		102.549.534.200	153.045.424.635
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.02	102.549.534.200	153.045.424.635
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.489.106.973	145.889.465.780
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	115.370.564.562	111.636.095.800
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	42.456.270.278	37.840.076.173
3 Phải thu ngắn hạn khác	135	V.05	474.879.091	294.439.301
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.06	(3.812.606.958)	(3.881.145.494)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	366.876.862.398	513.396.959.547
1 Hàng tồn kho	141		366.876.862.398	513.396.959.547
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		899.082.132	-
1 Thuế GTGT được khấu trừ	162		899.082.132	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.033.602.230.077	1.035.177.856.096
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.407.042.500	6.407.042.500
1 Phải thu dài hạn khác	215	V.05	6.407.042.500	6.407.042.500
II. Tài sản cố định	220		163.689.314.373	174.908.301.066
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	162.312.654.373	173.531.641.066
- Nguyên giá	222		444.246.675.571	446.492.048.355
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(281.934.021.198)	(272.960.407.289)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.09	1.376.660.000	1.376.660.000
- Nguyên giá	228		2.026.660.000	2.026.660.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(650.000.000)	(650.000.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		822.030.943.108	827.184.318.661
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	822.030.943.108	827.184.318.661
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.02	20.241.206.443	19.860.292.957
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		20.241.206.443	19.860.292.957
VII. Tài sản dài hạn khác	270		21.233.723.653	6.817.900.912
1 Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.11	20.190.389.980	5.632.174.250
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.12	1.043.333.673	1.185.726.662
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		1.723.202.517.648	1.931.917.272.419

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

Mẫu số B 01a - DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

01/01/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		592.225.826.665	820.716.628.095
I. Nợ ngắn hạn	310		505.670.679.118	734.022.780.548
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	209.312.093.810	261.260.793.034
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	105.646.454.510	177.983.077.668
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	3.321.108.060	5.515.053.039
4 Phải trả người lao động	315		18.405.752.780	28.051.603.241
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	96.289.965	161.520.303
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	V.17	5.706.724.086	6.418.086.306
7 Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	1.491.269.039	783.924.677
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19	160.648.306.796	249.995.403.408
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.042.680.072	3.853.318.872
II. Nợ dài hạn	330		86.555.147.547	86.693.847.547
1 Phải trả dài hạn khác	338	V.18	3.486.900.000	3.625.600.000
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.19	83.068.247.547	83.068.247.547
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	1.130.976.690.983	1.111.200.644.324
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		905.755.510.000	905.755.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		905.755.510.000	905.755.510.000
2 Thặng dư vốn	412		37.282.220.000	37.282.220.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.236.413.529	26.612.306.630
4 Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(8.083.874.357)	(8.083.874.357)
5 Quỹ đầu tư phát triển	418		10.749.248.213	10.749.248.213
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		155.106.685.445	110.355.967.042
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		134.116.766.080	56.699.133.435
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này	420b		20.989.919.365	53.656.833.607
7 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.930.488.153	28.529.266.796
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.723.202.517.648	1.931.917.272.419

Người lập

Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hải Triều

Đinh Nam Hà

Osamu Yomogida

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Trình bày lại)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.144.796.344.712	1.070.569.562.879
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	48.975.762	209.869.070
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	1.144.747.368.950	1.070.359.693.809
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.055.861.748.957	963.034.045.601
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		88.885.619.993	107.325.648.208
6 Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7 Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	12.186.945.882	16.272.793.859
8 Chi phí tài chính	23	VI.6	6.527.240.650	13.245.813.064
Trong đó: Chi phí đi vay	24		5.758.663.193	7.127.225.787
9 Chi phí bán hàng	25	VI.9	23.709.341.492	15.716.331.981
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	52.427.777.755	60.775.790.178
11 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		996.007.549	4.989.433.485
12 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 +(22 - 23) - (25 + 26) + 27}	30		19.404.213.527	38.849.940.329
13 Thu nhập khác	31	VI.7	7.119.670.306	7.453.240.653
14 Chi phí khác	32	VI.8	775.105.726	630.379.075
15 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.344.564.580	6.822.861.578
16 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		25.748.778.107	45.672.801.907
17 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	5.215.244.396	8.352.860.985
18 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	142.392.989	-
19 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.391.140.722	37.319.940.922
20 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		20.989.919.365	34.485.901.629
21 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(598.778.643)	2.834.039.293
22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	231,74	418,82
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.14	210,68	346,13

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Tổng Giám đốc



Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Triều

Đinh Nam Hà

Osamu Yomogida

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.748.778.107	45.672.801.907
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.360.112.693	11.930.613.214
- Các khoản dự phòng	03		(68.538.536)	212.849.489
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(987.481.174)	5.299.727.203
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(4.487.730.159)	(12.738.757.278)
- Chi phí đi vay	06		5.758.663.193	7.127.225.787
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.323.804.124	57.504.460.322
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.430.184.789)	8.970.502.024
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		146.520.097.149	(23.684.158.516)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(133.812.002.017)	98.493.753.748
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.598.308.200)	259.256.417
- Chi phí đi vay đã trả	14		(5.823.893.531)	(7.173.238.312)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.693.175.871)	(10.494.507.962)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.810.638.800)	(178.962.877)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.675.698.065	123.697.104.844
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(8.947.657.977)	(40.457.863.446)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	113.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(119.504.109.565)	(70.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		170.000.000.000	90.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	8.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.491.722.610	3.075.691.352
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		45.039.955.068	(9.268.535.730)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		208.735.041.876	381.263.054.367
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(298.082.138.488)	(428.844.873.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(89.347.096.612)	(47.581.818.815)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(19.631.443.479)	66.846.750.299
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		84.407.566.361	90.269.672.873
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		9.578.986	657.432
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	64.785.701.868	157.117.080.604

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Triều

Đinh Nam Hà

Osamu Yomogida

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001. Công ty có 27 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500391400 thay đổi lần thứ 27 cấp ngày 26/4/2026 thì vốn điều lệ của Công ty là **905.755.510.000 đồng** (Chín trăm lẻ năm tỷ, bảy trăm lăm mươi năm triệu, năm trăm mười nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DHT.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối thuốc, nguyên vật liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam;
- Thực hiện quyền phân phối bán buôn thuốc và nguyên liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam; Bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc cho cơ sở bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo khoản 10 điều 91 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng; Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn hàng hóa theo quy định của pháp luật (không bao gồm hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và lúa gạo, đường mía, đường củ cải)/.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

- | | |
|---|---|
| 1. Công ty Cổ phần Dược
thiết bị y tế Hà Tây | Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, ngõ 4, phố Xóm, phường Phú Lương,
thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất thực phẩm chức năng và kinh
doanh thiết bị y tế
Tỷ lệ vốn góp: 50,63%
Tỷ lệ lợi ích: 50,63%
Quyền biểu quyết: 50,63% |
|---|---|

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Danh sách các công ty liên kết:

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty TNHH Hataphar Miền Nam | Địa chỉ trụ sở chính: Số 62 Trần Văn Giáp, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, máy và thiết bị dụng cụ y tế
Tỷ lệ vốn góp: 48,28%
Tỷ lệ phần sở hữu: 48,28%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 48,28% |
| 2. Công ty CP Dược phẩm Công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam | Địa chỉ trụ sở chính: Số 101 Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh và phân phối thuốc
Tỷ lệ vốn góp: 49,00%
Tỷ lệ phần sở hữu: 49,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 49,00% |

Danh sách các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Dược phẩm số 1	Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
2. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An	Số 80 Đường Nguyễn Trãi, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
3. Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì	Số 406, đường Quảng Oai, xã Quảng Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín	Số 251 phố Ga, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam
5. Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức	Số 92 đội 3, thôn Tế Tiêu, xã Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam
6. Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng	Số nhà 2, đường 422, Khu 6, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam
7. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Thái Bình	Lô 13, tổ 22, đường Đốc Đen, khu tái định cư, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
8. Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên	Tiểu khu Mỹ Lâm, xã Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam
9. Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây	Số 122, Lê Lợi, phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam
10. Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai	Đường phố Huyện, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam
11. Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hòa	Số 96, xóm Hồng Phong, thôn Hoàng Xá, xã Vân Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
12. Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai	Số nhà 121, phố Kim Bài, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam
13. Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất	Địa chỉ: Đường 84, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

14. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30/6/2026 là 606 người (Tại ngày 31/12/2025: 586 người).

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như trình bày tại thuyết minh số VIII.4 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và thông tư số 202/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 43 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty mẹ và công ty con đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Trường hợp giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh giao dịch mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của Công ty vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách đó.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên kết. Tại ngày mua khoản đầu tư vào công ty liên kết, bất kỳ phần chênh lệch nào giữa giá phí khoản đầu tư lớn hơn phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết sẽ được ghi nhận là lợi thế thương mại, được trình bày gộp vào giá trị của khoản đầu tư. Bất kỳ phần chênh lệch nào giữa phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư, sau khi đã đánh giá lại, được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà khoản đầu tư được mua.



Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận, ngoại trừ trường hợp Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả, theo đó, Công ty có cam kết gánh lỗ cho công ty công ty liên kết hoặc cho phép công ty liên kết không phải hoàn trả/bồi hoàn đối với khoản nợ mà Công ty đã thanh toán thay. Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Khi các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch (theo chiều xuôi hoặc ngược) với một công ty liên kết với Công ty, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ các giao dịch này được điều chỉnh theo quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình cũng bao gồm giá trị hợp lý của các tài sản cố định hữu hình khác từ hợp nhất kinh doanh.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất lâu dài tại số 62 Trần Văn Giáp, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm: chi phí sửa chữa nhà xưởng; công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Chi phí sửa chữa các nhà xưởng là chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác: là chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong không quá 03 năm.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ, lãi vay mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng, địa điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công: Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, toàn bộ số tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thực tế cổ phiếu mua lại được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ bằng cách ghi số âm để ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp mua lại với mục đích hủy bỏ ngay lập tức, giá trị được ghi giảm trực tiếp vào vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn. Khi tái phát hành, trị giá vốn cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá vốn bình quân được ghi vào thặng dư vốn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Theo quy định tại Khoản 4 điều số 34 Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính Phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp, Các doanh nghiệp đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 có quyền mua bán, chuyển nhượng, tặng, giảm phần vốn góp, số cổ phần nhưng không được làm tăng thêm tỷ lệ sở hữu chéo so với thời điểm trước ngày 01 tháng 7 năm 2015. Khoản Công ty con góp vốn vào Công ty là từ trước thời điểm 01/07/2015 và cũng không tăng tỷ lệ sở hữu chéo hiện có.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ/năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

21. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

22. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh ảnh hưởng của trái phiếu hoán đổi/cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và các ảnh hưởng khác) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

26. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh dược phẩm và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận..

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tiền	49.285.701.868	74.036.751.569
<i>Tiền mặt</i>	<i>5.337.046.561</i>	<i>5.265.522.207</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>43.948.655.307</i>	<i>68.771.229.362</i>
Tiền gửi ngân hàng VND	43.691.064.659	68.646.493.402
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An	17.548.611.132	12.311.444.932
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	7.234.182.391	13.823.419.886
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng	6.999.390.047	803.294.650
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh	9.848.077.144	40.849.944.996
Tiền gửi không kỳ hạn các Ngân hàng khác	2.060.803.945	858.388.938
Tiền gửi ngân hàng USD	246.815.342	113.685.066
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây	7.306.719	7.420.733
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An	239.508.623	106.264.333
Tiền gửi ngân hàng EUR	10.775.306	11.050.894
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An	7.707.452	7.966.814
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội 2	3.067.854	3.084.080
Các khoản tương đương tiền	15.500.000.000	10.370.814.792
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Đông (*)	15.500.000.000	10.370.814.792
Cộng	64.785.701.868	84.407.566.361

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng gửi tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

		30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (i)	-	-	-	81.904.219.178	81.904.219.178
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Đông (i)	81.763.232.830	81.763.232.830	-	30.546.356.141	30.546.356.141
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đồng Đô (i)	20.786.301.370	20.786.301.370	-	40.594.849.316	40.594.849.316
Cộng	102.549.534.200	102.549.534.200	-	153.045.424.635	153.045.424.635

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất theo từng hợp đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

30/6/2026
VND

01/01/2026
VND

	Giá gốc	Điều chỉnh trong kỳ	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Điều chỉnh trong kỳ	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam (i)	700.000.000	256.814.139	956.814.139	700.000.000	124.961.667	824.961.667
Công ty CP Dược phẩm Công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam (ii)	2.450.000.000	16.834.392.304	19.284.392.304	2.450.000.000	16.585.331.290	19.035.331.290
Cộng (*)	3.150.000.000	17.091.206.443	20.241.206.443	3.150.000.000	16.710.292.957	19.860.292.957

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong kỳ:

(i) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 18/11/2025 thì Công ty đầu tư 700.000.000 đồng vào Công ty TNHH Hataphar Miền Nam, tương đương 48,28% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 700.000.000 VND, tương đương 48,28% vốn điều lệ.

(ii) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 ngày 07/4/2026 thì Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam 9.800.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ tương đương 980.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam.

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các Công ty liên kết chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

(*) Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư vào công ty khác tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	22.792.015.259	-	40.103.925.920	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	27.868.489.018	-	-	-
Các đối tượng khác	64.710.060.285	(3.100.934.958)	71.532.169.880	(3.169.473.494)
Cộng	115.370.564.562	(3.100.934.958)	111.636.095.800	(3.169.473.494)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn				
Pharmametics products a division of max Biocare	12.586.762.100	-	2.573.704.006	-
Delta Pharma Ltd	1.516.328.464	-	7.846.059.364	-
Inbiotech I.t.d	646.177.815	-	6.997.520.425	-
Saifen Drugs Philippines Inc	3.584.185.500	-	2.840.549.628	-
Blis pharma distribution and Consultancy corp.	11.973.124.900	-	3.384.715.680	-
Các đối tượng khác	12.149.691.499	(711.672.000)	14.197.527.070	(711.672.000)
Cộng	42.456.270.278	(711.672.000)	37.840.076.173	(711.672.000)

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

5. Phải thu khác

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		(Trình bày lại) VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	474.879.091	-	294.439.301	-
Phải thu khác	131.935.186	-	163.462.990	-
Tạm ứng	342.943.905	-	130.976.311	-
Nguyễn Văn Phúc	100.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	242.943.905	-	130.976.311	-
b) Dài hạn	6.407.042.500	-	6.407.042.500	-
Đặt cọc, ký quỹ	6.407.042.500	-	6.407.042.500	-
Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc (*)	6.407.042.500	-	6.407.042.500	-
Cộng	6.881.921.591	-	6.701.481.801	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

(*) Khoản ký quỹ cho Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc để đảm bảo thực hiện dự án "Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao Hataphar" được quy định tại Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 06/TTKQ ngày 27 tháng 11 năm 2020.

6. Nợ xấu

30/6/2026

01/01/2026

VND

VND

	Giá trị nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	3.460.368.948	359.433.990	3.539.882.618	370.409.124
Bệnh viện quận Thủ Đức	1.774.525.000	102.665.000	1.774.525.000	102.665.000
Các đối tượng khác	1.685.843.948	256.768.990	1.765.357.618	267.744.124
<i>Trả trước cho người bán</i>	711.672.000	-	711.672.000	-
Công ty CP Giải pháp ERP	711.672.000	-	711.672.000	-
Cộng	4.172.040.948	359.433.990	4.251.554.618	370.409.124

7. Hàng tồn kho

30/6/2026

01/01/2026

VND

VND

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	101.696.519.228	-	127.357.336.205	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.531.930.614	-	74.584.107.934	-
Công cụ, dụng cụ	317.983.557	-	342.444.153	-
Chi phí SXKD dở dang	4.410.717.655	-	9.735.832.625	-
Sản phẩm	45.549.084.588	-	23.437.595.070	-
Hàng hoá	144.370.626.756	-	277.939.643.560	-
Cộng	366.876.862.398	-	513.396.959.547	-

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					Đơn vị tính: VND	
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2026	168.479.750.526	259.122.286.133	13.999.342.253	4.451.386.943	439.282.500	446.492.048.355
Mua trong kỳ	-	1.002.439.000	-	-	138.687.000	1.141.126.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.386.498.784)	-	-	-	(3.386.498.784)
Phân loại lại	-	(51.500.000)	110.075.000	(58.575.000)	-	-
Số dư ngày 30/6/2026	168.479.750.526	256.686.726.349	14.109.417.253	4.392.811.943	577.969.500	444.246.675.571
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2026	101.863.548.984	159.583.502.688	7.103.561.805	3.970.511.312	439.282.500	272.960.407.289
Khấu hao trong kỳ	3.652.956.964	8.139.146.657	496.454.151	71.554.921	-	12.360.112.693
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.386.498.784)	-	-	-	(3.386.498.784)
Phân loại lại	-	(31.758.333)	89.894.583	(58.136.250)	-	-
Số dư ngày 30/6/2026	105.516.505.948	164.304.392.228	7.689.910.539	3.983.929.983	439.282.500	281.934.021.198
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	66.616.201.542	99.538.783.445	6.895.780.448	480.875.631	-	173.531.641.066
Tại ngày 30/6/2026	62.963.244.578	92.382.334.121	6.419.506.714	408.881.960	138.687.000	162.312.654.373

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026: 159.203.982.072 VND (Tại ngày 31/12/2025: 164.095.739.856 VND)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2026	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Số dư ngày 30/6/2026	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2026	650.000.000	-	650.000.000
Số dư ngày 30/6/2026	650.000.000	-	650.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2026	-	1.376.660.000	1.376.660.000
Tại ngày 30/6/2026	-	1.376.660.000	1.376.660.000

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026: 650.000.000 VND (Tại ngày 31/12/2025: 650.000.000 VND).

(*) Chi tiết Tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng tài sản cố định vô hình trở lên như sau:

30/6/2026

VND

Tên Tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất số 62 Trần Văn Giáp, thành phố Hồ Chí Minh	1.376.660.000	-	1.376.660.000
Phần mềm kế toán doanh nghiệp Vietsun BA	650.000.000	650.000.000	-
Cộng	2.026.660.000	650.000.000	1.376.660.000

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

30/6/2026

VND

01/01/2026

VND

Dự án Nhà máy dược phẩm công nghệ cao Hataphar (*)	814.748.939.426	807.746.227.200
Chi phí thẩm định AQP	-	1.277.777.778
Mua sắm tài sản cố định	925.925.926	925.925.926
Cải tạo nhà máy	6.356.077.756	2.674.508.863
Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm thuốc	-	14.559.878.894
Cộng	822.030.943.108	827.184.318.661

(*) Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm Công nghệ cao Hataphar được thực hiện theo quyết định số 163/QĐ-CNCHL ngày 07/10/2020. Dự án có diện tích 45.188 m² nằm tại Lô CN1-03A-1, CN1-03A-2, CN1-03A-3, khu công nghiệp công nghệ cao 1, khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư là 1.283 tỷ đồng. Dự án thực hiện đầu tư các hạng mục chủ yếu là: Nhà văn phòng và trung tâm nghiên cứu; Nhà xưởng sản xuất công nghệ chiết suất siêu tới hạn; Nhà xưởng sản xuất thuốc chứa hormone; Nhà xưởng sản xuất thuốc theo công nghệ nano; và Nhà kho trung tâm. Dự án được chia thành 04 giai đoạn, toàn bộ Dự án đi vào vận hành đồng bộ trong quý IV/2027. Tính đến thời điểm lập báo cáo, dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ sở hạ tầng và bàn giao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

11. Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.049.108.501	2.465.920.534
Chi phí nghiên cứu phát triển sản phẩm thuốc	12.959.907.530	-
Chi phí cải tạo sửa chữa	4.959.151.727	2.858.499.091
Chi phí trả trước khác	222.222.222	307.754.625
Cộng	20.190.389.980	5.632.174.250

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.043.333.673	1.185.726.662

13. Phải trả người bán

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	1.239.317.982	3.979.856.644
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	4.480.596.669	5.817.834.883
KPC Pharmaceuticals, Inc	23.878.433.717	19.025.983.320
Wockhardt Limited	24.663.029.725	10.056.600.528
XL Laboratories PVT.,LTD	-	22.359.757.441
Pharmaunity Co.,Ltd	-	13.349.510.483
Pharmametics products a division of max Biocare	36.767.484.671	13.799.528.479
Delta Pharma Ltd	53.462.671.565	35.828.249.950
Blis pharma distribution and Consultancy corp.	-	40.758.864.060
Các đối tượng khác	64.820.559.481	96.284.607.246
Cộng	209.312.093.810	261.260.793.034

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**14. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm T&T	7.141.708.000	6.442.145.755
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	-	10.784.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	-	2.502.291.750
Công ty TNHH Thương mại Dược TB Việt Nam	22.261.120.350	49.761.555.583
Công ty CP Dược phẩm Vietlife	-	3.117.958.640
Công ty TNHH Dược phẩm Hiếu Anh	9.616.136.453	8.045.259.000
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Lâm An	-	6.509.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Life	7.294.910.000	7.278.056.310
Công ty TNHH Sinh dược phẩm Đại Sông Dương	7.898.230.375	9.028.478.251
Công ty TNHH Dược phẩm California USA	11.141.778.005	5.753.424.645
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pháp	1.399.623.012	28.976.548.644
Các đối tượng khác	38.892.948.315	39.784.359.090
Cộng	105.646.454.510	177.983.077.668

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2026
Phải nộp ngắn hạn				
Thuế GTGT đầu ra	841.144.007	8.549.361.579	9.351.599.336	38.906.250
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	38.887.044.652	38.887.044.652	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.927.630.446	4.927.630.446	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.550.220.339	5.215.244.396	6.693.175.871	3.072.288.864
Thuế Thu nhập cá nhân	123.688.693	2.579.910.743	2.493.686.490	209.912.946
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	101.203.055	101.203.055	-
Thuế tài nguyên	-	11.926.600	11.926.600	-
Thuế đất	-	2.108.400.847	2.108.400.847	-
Cộng	5.515.053.039	62.380.722.318	64.574.667.297	3.321.108.060
16. Chi phí phải trả				
			30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
Ngắn hạn				
Trích trước chi phí đi vay phải trả			96.289.965	161.520.303
Cộng			96.289.965	161.520.303
17. Doanh thu chưa thực hiện				
			30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
Ngắn hạn				
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê nhà và địa điểm			658.524.989	575.370.229
Doanh thu chưa thực hiện tương ứng với Hàng tồn kho chưa bán ra ngoài của Công ty Liên kết trong giao dịch bán hàng nội bộ			5.048.199.097	5.842.716.077
Cộng			5.706.724.086	6.418.086.306
18. Các khoản phải trả, phải nộp khác				
			30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
a) Ngắn hạn			1.491.269.039	783.924.677
Các khoản bảo hiểm phải trả			441.612.917	592.397.733
Các khoản phải trả, phải nộp khác			1.049.656.122	191.526.944
b) Dài hạn			3.486.900.000	3.625.600.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			3.486.900.000	3.625.600.000
Cộng			4.978.169.039	4.409.524.677

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		Trong kỳ		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	160.648.306.796	160.648.306.796	208.735.041.876	298.082.138.488	249.995.403.408	249.995.403.408
Vay ngắn hạn	146.803.598.871	146.803.598.871	208.735.041.876	298.082.138.488	236.150.695.483	236.150.695.483
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	24.585.918.394	24.585.918.394	27.003.790.363	32.913.687.818	30.495.815.849	30.495.815.849
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (2)	26.712.876.010	26.712.876.010	43.712.034.371	79.311.770.320	62.312.611.959	62.312.611.959
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội (3)	28.365.590.146	28.365.590.146	67.966.495.110	91.651.765.953	52.050.860.989	52.050.860.989
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh (4)	25.886.584.460	25.886.584.460	39.059.765.677	37.583.085.462	24.409.904.245	24.409.904.245
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội 2 (5)	19.791.268.800	19.791.268.800	21.118.721.175	22.160.803.244	20.833.350.869	20.833.350.869
Vay cá nhân (6)	21.461.361.061	21.461.361.061	9.874.235.180	34.461.025.691	46.048.151.572	46.048.151.572
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.844.707.925	13.844.707.925	-	-	13.844.707.925	13.844.707.925
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (7)	13.844.707.925	13.844.707.925	-	-	13.844.707.925	13.844.707.925
b) Dài hạn	83.068.247.547	83.068.247.547	-	-	83.068.247.547	83.068.247.547
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (7)	83.068.247.547	83.068.247.547	-	-	83.068.247.547	83.068.247.547
Cộng	243.716.554.343	243.716.554.343	208.735.041.876	298.082.138.488	333.063.650.955	333.063.650.955

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 3110/2025-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 31/10/2025, hạn mức cho vay 300 tỷ đồng (đã bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cấp tín dụng số 2209/2024-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 22/09/2024), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất; thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng/giấy nhận nợ kể từ thời điểm giải ngân khoản vay; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/10/2026; khoản vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 15/26/QLN/CTD/VCBTHN ngày 20/03/2026 đính kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 15/26/QLN/CTD/VCBTHN ngày 20/03/2026, hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 15/25/QLN/HMLC/VCBTHN ngày 20/03/2026, thỏa thuận bảo lãnh cấp tín dụng theo hạn mức số 15/26/QLN/HMBL/VCBTHN ngày 20/03/2026, hạn mức cho vay 200 tỷ đồng (bao gồm cả hạn mức của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/25/QLN/HM/VCBTHN ngày 06/02/2025), mục đích vay để tài trợ các nhu cầu vay vốn ngân hàng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngăn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 05 tháng; thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc đến hết ngày 12/04/2027 tùy theo trường hợp nào đến trước; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 130002065517 ngày 16/08/2019 và phụ lục gia hạn - sửa đổi bổ sung số 130002065517/11 ngày 16/8/2025 gia hạn hạn mức đến ngày 15/08/2026, hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay: đối với trường hợp lãi suất cố định cho khoản vay áp dụng lãi suất cố định trong suốt thời hạn cho vay theo mức lãi suất quy định trên Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ của từng khoản vay, trường hợp lãi suất điều chỉnh: áp dụng mức lãi suất tham chiếu MFC 3 tháng cộng (+) Biên độ 0,74%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần trong suốt thời hạn cho vay; thời hạn mỗi khoản tín dụng trong hạn mức quy định trong từng lần nhận nợ nhưng không vượt quá 05 tháng/khế ước nhận nợ; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/177578/HETD ngày 10/8/2026; hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 200 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; lãi suất được xác định trong từng hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này nhưng không quá ngày 30/6/2027; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 1505-LAV-202500773 ngày 02/7/2025 và Phụ lục số 01 ngày 03/7/2025, hạn mức cho vay 30 tỷ đồng, mục đích sử dụng vốn vay và thanh toán LC bằng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2025-2026; lãi suất cho vay áp dụng lãi suất biến đổi theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ; thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng không quá 06 tháng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (6) Các khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng vay, nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay dưới 12 tháng; lãi suất từ 2%/năm đến 6,5%/năm.
- (7) Hợp đồng tín dụng dài hạn số FL/053/22 ngày 02/8/2022, thỏa thuận sửa đổi số 02 ngày 17/01/2023, thỏa thuận sửa đổi số 03 ngày 27/12/2023 đối với Hợp đồng tín dụng số FL/053/22 ngày 02/8/2022, hạn mức tín dụng không vượt quá 235 tỷ đồng, thời hạn vay đến 31/12/2032. Mục đích vay để sử dụng cho Đầu tư Tài sản cố định/Xây dựng nhà máy và không sử dụng cho mục đích nào khác. Lãi suất cụ thể cho kỳ tính lãi đầu tiên được nêu trong Đề nghị rút vốn tạo thành một phần không tách rời của các đề nghị đó sẽ có giá trị ràng buộc hai bên kể từ thời điểm Ngân hàng và Khách hàng đồng ý về mức lãi suất đó (dù bằng lời nói hoặc cách nào khác), mức lãi suất cụ thể và các điều khoản khác của các khoản rút vốn sau đó sẽ được ghi lại bằng chứng trong một thông báo "Thông báo khoản vay" được Ngân hàng gửi cho Khách hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng thư bảo lãnh do Aska Pharmaceutical Holdings Co., Ltd phát hành ngày 02/8/2022. Đạt hoàn trả đầu tiên liên quan đến một khoản Rút vốn sẽ được thực hiện vào ngày làm việc cuối cùng của tháng 12 năm 2025, các đợt hoàn trả tiếp theo sẽ được thực hiện 12 tháng một lần.

c) Vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2025	823.417.730.000	97.320.000.000	26.612.306.630	(8.083.874.357)	10.749.248.213	79.530.817.489	27.214.093.742	1.056.760.321.717
Tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ Thặng dư vốn cổ phần	60.037.780.000	(60.037.780.000)	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.300.000.000	-	-	-	-	(22.300.000.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	53.656.833.607	5.383.623.054	59.040.456.661
Giảm do chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.068.450.000)	(4.068.450.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(531.684.054)	-	(531.684.054)
Số dư tại ngày 31/12/2025	905.755.510.000	37.282.220.000	26.612.306.630	(8.083.874.357)	10.749.248.213	110.355.967.042	28.529.266.796	1.111.200.644.324
Chuyển Vốn khác của CSH sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1)	-	-	(24.375.893.101)	-	-	24.375.893.101	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	20.989.919.365	(598.778.643)	20.391.140.722
Giảm khác	-	-	-	-	-	(615.094.063)	-	(615.094.063)
Số dư tại ngày 30/6/2026	905.755.510.000	37.282.220.000	2.236.413.529	(8.083.874.357)	10.749.248.213	155.106.685.445	27.930.488.153	1.130.976.690.983

(1) Chuyển Vốn khác của chủ sở hữu sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo đề nghị tại Tờ trình số 152/TTTr-DHT ngày 10/02/2026 đã được thông qua tại Nghị quyết số 219/NQ-DHT ngày 30/3/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty CP Dược phẩm Hà Tây.

(*): Giá trị ghi số khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trước ngày 01/7/2015.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
ASKA Pharmaceutical Co., Ltd	362.727.620.000	362.727.620.000
Lê Văn Lớ	50.819.900.000	50.819.900.000
Lê Việt Linh	57.441.840.000	57.441.840.000
Các cổ đông khác	434.766.150.000	434.766.150.000
Cộng	905.755.510.000	905.755.510.000

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	905.755.510.000	823.417.730.000
Vốn góp đầu kỳ	905.755.510.000	823.417.730.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	905.755.510.000	823.417.730.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 Cổ phiếu

	30/6/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	90.575.551	90.575.551
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.575.551	90.575.551
- Cổ phiếu phổ thông	90.575.551	90.575.551
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.513	1.513
- Cổ phiếu phổ thông	1.513	1.513
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.574.038	90.574.038
- Cổ phiếu phổ thông	90.574.038	90.574.038
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

20.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

21. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

	30/6/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	9.416,73	4.387,44
EURO (EUR)	357,70	365,98

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán sản phẩm	226.560.365.134	327.331.858.754
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	918.235.979.578	743.237.704.125
Cộng	1.144.796.344.712	1.070.569.562.879

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Hàng bán bị trả lại	48.975.762	209.869.070
Cộng	48.975.762	209.869.070

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Doanh thu thuần bán sản phẩm	226.511.389.372	327.121.989.684
Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư	918.235.979.578	743.237.704.125
Cộng	1.144.747.368.950	1.070.359.693.809

4. Giá vốn bán hàng

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Giá vốn bán sản phẩm	158.161.582.929	236.283.235.672
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	897.133.665.251	726.216.905.808
Chi phí xử lý hàng tồn kho	566.500.777	533.904.121
Cộng	1.055.861.748.957	963.034.045.601

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.961.474.838	3.109.601.310
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư	-	4.712.434.421

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	4.096.118.818	7.756.649.265
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.151.450.038	694.108.863
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	977.902.188	-
Cộng	12.186.945.882	16.272.793.859

6. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Chi phí tài chính		
Chi phí đi vay	5.758.663.193	7.127.225.787
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	768.577.457	818.860.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	5.299.727.203
Cộng	6.527.240.650	13.245.813.064
b) Chi phí hoạt động tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3		

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Thu từ cho thuê địa điểm	6.285.226.429	7.062.215.655
Thu thanh lý tài sản cố định	-	113.636.364
Thu nhập khác	834.443.877	277.388.634
Cộng	7.119.670.306	7.453.240.653

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	775.105.725	96.205.582
Thuế GTGT không được hoàn	-	534.173.474
Các khoản chi phí khác	1	19
Cộng	775.105.726	630.379.075

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	23.709.341.492	15.716.331.981
Chi phí nhân viên bán hàng	15.053.148.436	9.059.246.158
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	296.482.934	220.082.292
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	67.322.557	52.131.060
Chi phí khấu hao TSCĐ	238.191.444	300.477.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.962.550.710	1.427.234.974
Chi phí bằng tiền khác	4.091.645.411	4.657.160.065

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	52.496.316.291	60.866.596.979
Chi phí nhân viên quản lý	23.331.366.570	26.339.021.940
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	2.052.113.935	1.803.708.006
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	3.321.353.611	4.861.630.843
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.517.327.194	1.191.917.672
Thuế, phí, lệ phí	2.237.148.468	1.570.698.251
Chi phí dự phòng	-	303.656.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.332.036.042	8.414.572.666
Chi phí bằng tiền khác	9.704.970.471	16.381.391.311
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(68.538.536)	(90.806.801)
Hoàn lập dự phòng phải thu khó đòi	(68.538.536)	(90.806.801)
Cộng	76.137.119.247	76.492.122.159
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Giá mua hàng hóa đã bán	913.903.848.547	-
Chi phí nguyên, vật liệu	116.533.197.473	173.932.400.089
Chi phí nhân công	52.192.237.435	49.559.444.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.588.819.971	11.930.613.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.749.388.922	18.159.824.195
Chi phí khác bằng tiền	25.607.931.296	32.018.208.967
Cộng	1.138.575.423.644	285.600.491.064
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.215.244.396	8.352.860.985
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.215.244.396	8.352.860.985
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	142.392.989	-
Tổng cộng	142.392.989	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.989.919.365	34.485.901.629
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.989.919.365	34.485.901.629
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	90.574.038	82.340.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	231,74	418,82

(*) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu nêu trên chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	20.989.919.365	34.485.901.629
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	90.574.038	82.340.260
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (ii)	9.057.399	17.291.177
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	210,68	346,13

(i) Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa được loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 219/NQ-DHT ngày 30/3/2026 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 56/HĐQT-DHT ngày 24/7/2026, Công ty đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2026 với tỷ lệ phát hành là 10%, tỷ lệ thực hiện 10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu cứ 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 9.057.399 cổ phiếu. Thời gian thực hiện tăng vốn dự kiến trong Quý III năm 2026.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	208.735.041.876	381.263.054.367
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	298.082.138.488	428.844.873.182

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh và ký hợp đồng thuê đất với Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc nhằm mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm Công nghệ cao Hataphar. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 219/NQ-DHT ngày 30/3/2026 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 56/HĐQT-DHT ngày 24/7/2026, Công ty đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2026 với tỷ lệ phát hành là 10%, tỷ lệ thực hiện 10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu cứ 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 9.057.399 cổ phiếu. Thời gian thực hiện tăng vốn dự kiến trong Quý III năm 2026.

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Hataphar Miền Nam

Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam

Ông Lê Anh Trung

Ông Lê Văn Lớ

Ông Lê Xuân Thắng

Ông Hiroyasu Nishioka

Ông Yuichiro Okuma

Ông Osamu Yomogida

Ông Hoàng Văn Tuế

Bà Lê Việt Linh

Ông Keisuke Oshio

Ông Nguyễn Bá Lai

Ông Ngô Tuấn Việt

Ông Ngô Văn Chính

Ông Kazuhiro Chiku

Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Nguyễn Hà Đệ

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
và Phó Tổng giám đốc (Thôi chức vụ từ ngày 30/3/2026)

Chủ tịch HĐQT (Thôi chức vụ từ ngày 30/3/2026)
và Cố vấn HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)

Phó chủ tịch thường trực HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
và Tổng Giám đốc (Thôi chức vụ từ ngày 30/3/2026)

Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)

Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)

Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)

Thành viên HĐQT

Phó Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT (Thôi giữ chức vụ từ ngày 30/3/2026)

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Trưởng Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)

Thành viên Ban kiểm soát (Thôi giữ chức vụ từ ngày 30/3/2026)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Ông Đinh Nam Hà	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Bà Phạm Minh Thư	Người quản trị Công ty kiêm Người công bố thông tin
Ông Hoàng Đình Đăng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
Bà Doãn Hà Thu	Thành viên ban Kiểm toán nội bộ
Ông Bùi Doãn Đạt	Thành viên ban Kiểm toán nội bộ
Ông Bùi Thảo Nguyên	Thành viên ban Kiểm toán nội bộ
Ông Murakawa Hitoshi	Thành viên ban Kiểm toán nội bộ
Ông Hoàng Quang Anh	Con trai ông Hoàng Văn Tuế

3.1 Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Bán hàng		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	2.652.645.033	107.562.841.697
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	163.636.364	-
b) Mua hàng		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	12.259.581.291	46.295.324.209
c) Chiết khấu thanh toán nhận được		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	1.660.899.099	906.942.060
d) Chi phí đi vay		
Ông Lê Văn Lớ	248.344.140	508.597.522
Ông Nguyễn Bá Lai	39.810.666	71.285.488
Ông Hoàng Văn Tuế	15.549.333	29.594.844
Ông Lê Anh Trung	13.387.050	10.360.475
Ông Đinh Nam Hà	4.382.833	
Ông Hoàng Quang Anh	27.583.632	31.847.586

3.2 Số dư với các bên liên quan

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Phải thu của khách hàng		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	22.792.015.259	40.103.925.920
b) Trả trước cho người bán		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	766.371.231	1.830.521.186
c) Phải trả người bán		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	4.475.831.169	5.817.834.883
d) Vay ngắn hạn		
Ông Lê Văn Lớ	7.914.130.077	24.326.171.582

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

Ông Nguyễn Bá Lai	1.000.000.000	3.000.000.000
Ông Hoàng Văn Tuế	-	639.872.000
Ông Lê Anh Trung	429.301.455	429.301.455
Ông Hoàng Quang Anh	323.844.390	916.357.390

3.3 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Ông Lê Anh Trung	984.959.500	791.024.100
Ông Lê Văn Lớ	1.046.411.600	918.732.000
Ông Hiroyasu Nishioka	-	-
Ông Lê Xuân Thắng	1.024.814.500	843.371.760
Bà Lê Việt Linh	964.344.200	792.825.660
Ông Hoàng Văn Tuế	863.232.800	716.481.960
Ông Yuichiro Okuma	-	-
Ông Keisuke Oshio	-	-
Ông Osamu Yomogida	183.384.600	-
Ông Nguyễn Bá Lai	828.888.100	679.952.200
Ông Ngô Tuấn Việt	796.953.700	544.312.300
Ông Ngô Văn Chính	762.338.600	680.783.400
Bà Nguyễn Thị Hoa	96.651.300	-
Ông Kazuhizo Chiku	-	-
Ông Nguyễn Hà Đệ	328.198.700	256.591.400
Ông Đinh Nam Hà	116.767.600	-
Bà Phạm Minh Thư	35.974.700	-
Ông Hoàng Đình Đang	156.989.100	18.265.100
Bà Doãn Hà Thu	86.526.400	9.679.800
Ông Bùi Doãn Đạt	63.582.200	-
Ông Bùi Thảo Nguyên	26.315.200	-
Ông Murakawa Hitoshi	-	-
Cộng	8.366.332.800	6.252.019.680

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.3, kể từ ngày 01/01/2026, Công ty và công ty con đã áp dụng Thông tư số 99. Theo đó, một số số liệu năm trước đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại VND	Số sau trình bày lại VND
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 01/01/2026			
Các khoản tương đương tiền	10.300.000.000	70.814.792	10.370.814.792
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	150.000.000.000	3.045.424.635	153.045.424.635
Phải thu ngắn hạn khác	3.410.678.728	(3.116.239.427)	294.439.301
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	(12.925.105.580)	186.348.302	(12.738.757.278)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.262.039.654	(186.348.302)	3.075.691.352

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hải Triều

Đinh Nam Hà

Osamu Yomogida

